

Số: **118** /2018/QĐST-HNGĐ

N C, ngày 02 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2018/TLST- HNGĐ ngày 06/7/2018 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tiểu khu B Gi, thị trấn N C, huyện N C, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 4, xã Tr Th, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212; Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 30/9/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T. không có tài sản và công nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị H chịu toàn bộ tiền án phí DSST là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nông Công theo biên lai thu số AA/2015/0006703 ngày 06/7/2018. Trả lại cho chị H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện N C;
- THADS huyện N C;
- UBND thị trấn N C ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Phạm Hữu Thắng

Ai Em Mi

NGÔ BẢO CHÂU - 3000 TỪ TIẾNG ANH BẰNG THƠ LỤC BÁT

Hello có nghĩa xin chào
Goodbye tạm biệt, thì thảo Wishper
Lie nằm, Sleep ngủ, Dream mơ
Thấy cô gái đẹp See girl beautiful
I want tôi muốn, kiss hôn
Lip môi, Eyes mắt ... sướng rồi ... oh yeah!
Long dài, short ngắn, tall cao
Here đây, there đó, which nào, where đâu
Sentence có nghĩa là câu
Lesson bài học, rainbow cầu vồng
Husband là đức ông chồng
Daddy cha bố, please don't xin đừng
Darling tiếng gọi em cưng
Merry vui thích, cái sừng là horn
Rách rồi xài đỡ chữ torn
To sing là hát, a song một bài
Nói sai sự thật to lie
Go đi, come đến, một vài là some
Đứng stand, look ngó, lie nằm
Five năm, four bốn, hold cầm, play chơi
One life là một cuộc đời
Happy sung sướng, laugh cười, cry kêu
Lover tạm dịch người yêu
Charming duyên dáng, mỹ miều graceful
Mặt trăng là chữ the moon
World là thế giới, soon soon, lake hồ
Dao knife, spoon muỗng, cuốc hoe
Đêm night, dark tối, khổng lồ giant
Fund vui, die chết, near gần
Sorry xin lỗi, dull dần, wise khôn
Burry có nghĩa là chôn
Our souls tạm dịch linh hồn chúng ta
Xe hơi du lịch là car
Sir ngài, Lord đức, thưa bà Madam

Thousand là đúng...mười trăm
Ngày day, tuần week, year năm, hour giờ
Wait there đứng đó đợi chờ
Nightmare ác mộng, dream mơ, pray cầu
Trừ ra except, deep sâu
Daughter con gái, bridge cầu, pond ao
Enter tạm dịch đi vào
Thêm for tham dự lễ nào lại sai
Shoulder cứ dịch là vai
Writer văn sĩ, cái đài radio
A bowl là một cái tô
Chữ tear nước mắt, tomb mồ, miss cô
Máy khâu dùng tạm chữ sew
Kẻ thù địch đại là foe chẳng lầm
Shelter tạm dịch là hầm
Chữ shout là hét, nói thầm whisper
What time là hỏi mấy giờ
Clear trong, clean sạch, mờ mờ là dim
Gặp ông ta dịch see him
Swim bơi, wade lội, drown chìm chết trôi
Mountain là núi, hill đồi
Valley thung lũng, cây sồi oak tree
Tiền xin đóng học school fee
Yêu tôi dùng chữ love me chẳng lầm
To steal tạm dịch cầm nhảm
Tẩy chay boycott, gia cầm poultry
Cattle gia súc, ong bee
Something to eat chút gì để ăn
Lip môi, tongue lưỡi, teeth răng
Exam thi cử, cái bằng licence...
Lovely có nghĩa dễ thương
Pretty xinh đẹp thường thường so so
Lotto là chơi lô tô
Nấu ăn là cook , wash clothes giặt đồ
Push thì có nghĩa đẩy, xô
Marriage đám cưới, single độc thân
Foot thì có nghĩa bàn chân
Far là xa cách còn gần là near
Spoon có nghĩa cái thìa
Toán trừ subtract, toán chia divide
Dream thì có nghĩa giấc mơ
Month thì là tháng , thời giờ là time
Job thì có nghĩa việc làm
Lady phái nữ, phái nam gentleman

Close friend có nghĩa bạn thân
 Leaf là chiếc lá, còn sun mặt trời
 Fall down có nghĩa là rơi
 Welcome chào đón, mời là invite
 Short là ngắn, long là dài
 Mũ thì là hat, chiếc hài là shoe
 Autumn có nghĩa mùa thu
 Summer mùa hạ , cái tù là jail
 Duck là vịt , pig là heo
 Rich là giàu có , còn nghèo là poor
 Crab thì` có nghĩa con cua
 Church nhà thờ đó , còn chùa temple
 Aunt có nghĩa dì , cô
 Chair là cái ghế, cái hồ là pool
 Late là muộn , sớm là soon
 Hospital bệnh viện , school là trường
 Dew thì có nghĩa là sương
 Happy vui vẻ, chán chường weary
 Exam có nghĩa kỳ thi
 Nervous nhút nhát, mommy mẹ hiền.
 Region có nghĩa là miền,
 Interrupted gián đoạn còn liền next to.
 Coins dùng chỉ những đồng xu,
 Còn đồng tiền giấy paper money.
 Here chỉ dùng để chỉ tại đây,
 A moment một lát còn ngay ringht now,
 Brothers-in-law đồng hao.
 Farm-work đồng áng, đồng bào Fellow- countryman
 Narrow- minded chỉ sự nhỏ nhen,
 Open-headed hào phóng còn hèn là mean.
 Vẫn còn dùng chữ still,
 Kỹ năng là chữ skill khó gì!
 Gold là vàng, graphite than chì.
 Munia tên gọi chim ri
 Kestrel chim cắt có gì khó đâu.
 Migrant kite là chú diều hâu
 Warbler chim chích, hải âu petrel
 Stupid có nghĩa là khờ,
 Đảo lên đảo xuống, stir nhiều nhiều.
 How many có nghĩa bao nhiêu.
 Too much nhiều quá , a few một vài
 Right là đúng , wrong là sai
 Chess là cờ tướng , đánh bài playing card
 Flower có nghĩa là hoa

Hair là mái tóc, da là skin
 Buổi sáng thì là morning
 King là vua chúa, còn Queen nữ hoàng
 Wander có nghĩa lang thang
 Màu đỏ là red, màu vàng yellow
 Yes là đúng, không là no
 Fast là nhanh chóng, slow chậm rì
 Sleep là ngủ, go là đi
 Weakly ốm yếu healthy mạnh lành
 White là trắng, green là xanh
 Hard là chăm chỉ , học hành study
 Ngọt là sweet, kẹo candy
 Butterfly là bướm, bee là con ong
 River có nghĩa dòng sông
 Wait for có nghĩa ngóng trông đợi chờ
 Dirty có nghĩa là dơ
 Bánh mì bread, còn bơ butter
 Bác sĩ thì là doctor
 Y tá là nurse, teacher giáo viên
 Mad dùng chỉ những kẻ điên,
 Everywhere có nghĩa mọi miền gần xa.
 A song chỉ một bài ca.
 Ngôi sao dùng chữ star, có liền!
 Firstly có nghĩa trước tiên
 Silver là bạc , còn tiền money
 Biscuit thì là bánh quy
 Can là có thể, please vui lòng
 Winter có nghĩa mùa đông
 Iron là sắt còn đồng copper
 Kẻ giết người là killer
 Cảnh sát police , lawyer luật sư
 Emigrate là di cư
 Bưu điện post office, thư từ là mail
 Follow có nghĩa đi theo
 Shopping mua sắm còn sale bán hàng
 Space có nghĩa không gian
 Hàng trăm hundred, hàng ngàn thousand
 Stupid có nghĩa ngu đần
 Thông minh smart, equation phương trình
 Television là truyền hình
 Băng ghi âm là tape, chương trình program
 Hear là nghe watch là xem
 Electric là điện còn lamp bóng đèn
 Praise có nghĩa ngợi khen

Crowd đông đúc, lán chen hustle
Capital là thủ đô
City thành phố , local địa phương
Country có nghĩa quê hương
Field là đồng ruộng còn vườn garden
Chốc lát là chữ moment
Fish là con cá , chicken gà tơ
Naive có nghĩa ngây thơ
Poet thi sĩ , great writer văn hào
Tall thì có nghĩa là cao
Short là thấp ngắn, còn chào hello
Uncle là bác, elders cô.
Shy mắc cỡ, coarse là thô.
Come on có nghĩa mời vô,
Go away đuổi cút, còn vồ pounce.
Poem có nghĩa là thơ,
Strong khoẻ mạnh, mệt phờ dog- tiered.
Bầu trời thường gọi sky,
Life là sự sống còn die là đời
Shed tears có nghĩa lệ rơi
Fully là đủ, nửa vời by halves
Ở lại dùng chữ stay,
Bỏ đi là leave còn nằm là lie.
Tomorrow có nghĩa ngày mai
Hoa sen lotus, hoa lài jasmine
Madman có nghĩa người điên
Private có nghĩa là riêng của mình
Cảm giác là chữ feeling
Camera máy ảnh hình là photo
Động vật là animal
Big là to lớn , little nhỏ nhoi
Elephant là con voi
Goby cá bống, cá mòi sardine
Mỏng mảnh thì là chữ thin
Cổ là chữ neck, còn chin cái cằm
Visit có nghĩa viếng thăm
Lie down có nghĩa là nằm nghỉ ngơi
Mouse con chuột , bat con dơi
Separate có nghĩa tách rời , chia ra
Gift thì có nghĩa món quà
Guest thì là khách chủ nhà house owner
Bệnh ung thư là cancer
Lối ra exit , enter đi vào
Up lên còn xuống là down

Beside bên cạnh , about khoảng chừng
Stop có nghĩa là ngừng
Ocean là biển , rừng là jungle
Silly là kẻ dại khờ,
Khôn ngoan smart, dù dờ luggish
Hôn là kiss, kiss thật lâu.
Cửa sổ là chữ window
Special đặc biệt normal thường thôi
Lazy... làm biếng quá rồi
Ngồi mà viết tiếp một hồi die soon
Hứng thì cứ việc go on,
Còn không stop ta còn nghỉ ngơi!
Cầm CHIN có BEARD là râu
RAZOR dao cạo, HEAD đầu, da SKIN
THOUSAND thì gọi là nghìn
BILLION là tỷ, LOOK nhìn , rồi THEN
LOVE MONEY quý đồng tiền
Đầu tư INVEST, có quyền RIGHTFUL
WINDY RAIN STORM bão bùng
MID NIGHT bán dạ, anh hùng HERO
COME ON xin cứ nhào vô
NO FEAR hồng sợ, các cô LADIES
Con cò STORKE, FLY bay
Mây CLOUD, AT ở, BLUE SKY xanh trời
OH! MY GOD...! Ồi! Trời ơi
MIND YOU. Lưu ý WORD lời nói say
HERE AND THERE, đó cùng đây
TRAVEL du lịch, FULL đầy, SMART khôn
Cô đơn ta dịch ALONE
Anh văn ENGLISH , nỗi buồn SORROW
Muốn yêu là WANT TO LOVE
OLDMAN ông lão, bắt đầu BEGIN
EAT ăn, LEARN học, LOOK nhìn
EASY TO FORGET dễ quên
BECAUSE là bởi ... cho nên , DUMP đản
VIETNAMESE , người nước Nam
NEED TO KNOW... biết nó cần lắm thay
SINCE từ, BEFORE trước, NOW nay
Đèn LAMP, sách BOOK, đêm NIGHT, SIT ngồi
SORRY thương xót, ME tôi
PLEASE DON'T LAUGH đừng cười, làm ơn
FAR Xa, NEAR gọi là gần
WEDDING lễ cưới, DIAMOND kim cương
SO CUTE là quá dễ thương

SHOPPING mua sắm, có sương FOGGY
 SKINNY ốm nhách, FAT: phì
 FIGHTING: chiến đấu, quá lý STUBBORN
 COTTON ta dịch bông gòn
 A WELL là giếng, đường mòn là TRAIL
 POEM có nghĩa làm thơ,
 POET Thi Sĩ nên mơ mộng nhiều.
 ONEWAY nghĩa nó một chiều,
 THE FIELD đồng ruộng, con diều là KITE.
 Của tôi có nghĩa là MINE,
 TO BITE là cắn, TO FIND kiếm tìm
 TO CARVE xất mỗng, HEART tim,
 DRIER máy sấy, đắm chìm TO SINK.
 FEELING cảm giác, nghĩ THINK
 PRINT có nghĩa là in, DARK mờ
 LETTER có nghĩa lá thư,
 TO LIVE là sống, đơn sơ SIMPLE.
 CLOCK là cái đồng hồ,
 CROWN vương niệm, mã mồ GRAVE.
 KING vua, nói nhảm TO RAVE,
 BRAVE can đảm, TO PAVE lát đường.
 SCHOOL nghĩa nó là trường,
 LOLLY là kẹo, còn đường SUGAR.
 Station trạm GARE nhà ga
 FISH SAUCE nước mắm, TOMATO là cá chua
 EVEN huề, WIN thắng, LOSE thua
 TURTLE là một con rùa
 SHARK là cá mập, CRAB cua, CLAW càng
 COMPLETE là được hoàn toàn
 FISHING câu cá, DRILL khoan, PUNCTURE dùi
 LEPER là một người cùi
 CLINIC phòng mạch, sần sùi LUMPY
 IN DANGER bị lâm nguy
 Giải phẫu nhỏ là SUGERY đúng rồi
 NO MORE ta dịch là thôi
 AGAIN làm nữa, bồi hồi FRETTEY
 Phô mai ta dịch là CHEESE
 CAKE là bánh ngọt, còn mì NOODLE
 ORANGE cam, táo APPLE
 JACK-FRUIT trái mít, VEGETABLE là rau
 CUSTARD-APPLE mãng cầu
 PRUNE là trái táo tàu, SOUND âm
 LOVELY có nghĩa dễ thương
 PRETTY xinh đẹp, thường thường SO SO

LOTTO là chơi lô tô
Nấu ăn là COOK , WASH CLOTHES giặt đồ
PUSH thì có nghĩa đẩy, xô
MARRIAGE đám cưới, SINGLE độc thân
FOOT thì có nghĩa bàn chân
FAR là xa cách, còn gần là NEAR
SPOON có nghĩa cái thìa
Toán trừ SUBTRACT, toán chia DIVIDE
PLOUGH tức là đi cày
WEEK tuần MONTH tháng, WHAT TIME mấy giờ

Nguồn Giải Trí Việt